

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 223/2025/DS-PT

Ngày: 18/9/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Quảng

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Ông Vũ Việt Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:* Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2025/TLPT- DS ngày 04 tháng 6 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, nay là Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 180/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 335/2025/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 335/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa phúc thẩm số 643/TB-TA ngày 05/9/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng T, địa chỉ: Số 2xx – 2xx đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ liên hệ: Số 1xx – 1xx đường B, phường H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn N – Chức vụ: Chuyên viên kiểm soát rủi ro, địa chỉ: Số 1xx – 1xx đường B, phường H, thành phố Đà Nẵng (theo Quyết định số 35xx/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng giám đốc Ngân hàng T và Giấy uỷ quyền số 1xx/2025/GUQ-CNĐN ngày 01/01/2025 của Giám đốc Ngân hàng T– Chi nhánh Đ). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1982, địa chỉ: Số 1xx đường P, phường C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn – Bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 24/6/2022, bà Trần Thị H có ký với Ngân hàng T Hợp đồng thẻ tín dụng, bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng.

Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng quốc tế Combo Boss Notissue 4662xx-48xx cho bà Trần Thị H với hạn mức sử dụng là 500.000.000 đồng; mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn 2,48%/tháng, lãi quá hạn 3,72%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, đến ngày 25/5/2024 bà H đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 859.135.050 đồng. Quá trình sử dụng thẻ đến nay bà H đã thanh toán số tiền 644.673.363 đồng (theo thứ tự thanh toán quy định tại Điều 20 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Từ ngày 25/5/2024 đến ngày 25/9/2024 thanh toán 48.200.000 đồng.

Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đến ngày 26/11/2024 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, làm việc và tạo điều kiện về thời gian để bà H thanh toán nợ, tuy nhiên bà H không thanh toán, vi phạm các điều khoản quy định của Hợp đồng.

Do đó, Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Trần Thị H phải trả Ngân hàng tính đến ngày 10/4/2025 tổng số tiền 649.128.458 đồng. Trong đó: dư nợ là 490.368.005 đồng và lãi quá hạn là 158.760.453 đồng.

- Bà H phải tiếp tục chịu lãi từ ngày 11/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Với nội dung như trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đã tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với bà Trần Thị H.

Buộc bà Trần Thị H phải trả Ngân hàng T số tiền tính đến ngày 10/4/2025 là 649.128.458 đồng. Trong đó: Dư nợ là 490.368.005 đồng và lãi quá hạn là 158.760.453 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/5/2025, bà Trần Thị H có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với lý do bà không ký kết hợp đồng tín dụng đối với Ngân hàng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình xét xử phúc thẩm bà H có đơn đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của Bà trong Hợp đồng thẻ tín dụng ký với Ngân hàng, Tòa án đã có Thông báo nộp tài liệu và chi phí giám định nhưng trong thời hạn Thông báo bà H không nộp tài liệu để giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đại diện bị đơn thỏa thuận được việc giải quyết vụ án như sau:

Bà Trần Thị H trả Ngân hàng T số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 10/4/2025 là 649.128.458 đồng. Trong đó dư nợ là 490.368.005 đồng, lãi quá hạn là 158.760.453 đồng; và tiền lãi từ ngày 11/4/2025 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Số tiền và thời hạn trả: trả hằng tháng 30.000.000 đồng vào ngày 20 hằng tháng, trả từ ngày 20/10/2025 cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp bà Trần Thị H vi phạm kỳ trả nợ theo thỏa thuận thì Ngân hàng có quyền yêu cầu bà H thi hành án tất cả khoản nợ nêu trên.

Án phí dân sự sơ thẩm 29.965.138 đồng và án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng bị đơn Bà Trần Thị H chịu.

[2] Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa: Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận là tự nguyện, trên cơ sở quy định pháp luật, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

[3] Xét thấy: Các đương sự thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Từ nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 100, 103, 107 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, nay là Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng. Công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng T và bà Trần Thị H về việc thanh toán nợ như sau:

Bà Trần Thị H trả Ngân hàng T số tiền 649.128.458 đồng (*sáu trăm bốn mươi chín triệu, một trăm hai mươi tám ngàn, bốn trăm năm mươi tám đồng*), trong đó dư nợ 490.368.005 đồng, lãi quá hạn là 158.760.453 đồng; và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/4/2025 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng.

Số tiền và thời gian trả: Bà Trần Thị H trả mỗi tháng 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) vào ngày 20 hằng tháng, trả từ ngày 20/10/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bà Trần Thị H vi phạm kỳ trả nợ theo thỏa thuận thì Ngân hàng có quyền yêu cầu bà H thi hành án tất cả khoản nợ.

2/ Án phí :

- Dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.965.138 đồng (*hai mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn, một trăm ba mươi tám đồng*).

Hoàn trả Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí 12.517.920 đồng theo biên lai thu số 0001944 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

- Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng bà Trần Thị H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0009846 ngày 27/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành dân sự khu vực 3;
- TAND khu vực 3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Quảng

